



Số: 5001/SKHĐT-TĐ

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2021

V/v báo cáo tình hình thực hiện
hoạt động đấu thầu năm 2021

Kính gửi:

- Các Sở, Ban ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Các Chủ đầu tư các dự án sử dụng nguồn ngân sách nhà nước.

Thực hiện Văn bản số 9024/BKHĐT-QLĐT ngày 21/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2021; Sau khi xem xét, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Sở, Ban ngành; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các Chủ đầu tư (theo danh sách đính kèm) báo cáo tình hình hoạt động đấu thầu năm 2021, nội dung báo cáo cụ thể như sau:

1. Phần I: Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2021 (theo đề cương hướng dẫn tại Phụ lục 1).

2. Phần II: Tổng hợp số liệu về công tác đấu thầu (theo hướng dẫn tại Phụ lục 2).

3. Phần III: Tổng hợp các cơ quan, đơn vị không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn và nội dung (theo hướng dẫn tại Phụ lục 3).

Trong đó:

- Tất cả các chủ đầu tư, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa báo cáo đầy đủ nội dung theo Biểu 2.1, 2.2, 2.3 của Phụ lục 02 (đính kèm).

- UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, ngoài việc báo cáo với trách nhiệm là chủ đầu tư theo các biểu mẫu Biểu 2.1, 2.2, 2.3 của Phụ lục 02 còn phải báo cáo thêm về tình hình hoạt động lựa chọn nhà thầu của địa phương theo Phụ lục 1 đính kèm và báo cáo đầy đủ nội dung theo Biểu 2.5, 2.6 A, 2.6B, 2.6C, 2.6D phụ lục II (nếu có), Phụ lục III.

- Riêng Sở Y tế và các đơn vị có liên quan lưu ý báo cáo rõ thông tin, số liệu cụ thể về công tác lựa chọn nhà thầu theo phương thức mua sắm tập trung năm 2021 đối với thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế... (theo biểu 2.4 phụ lục II).

Để việc tổng hợp số liệu trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư kịp thời và đúng tiến độ để đăng tải lên hệ thống mạng đấu thầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện báo cáo **trước ngày 20/01/2022**. Vì nội dung tổng hợp báo cáo phải đăng tải lên mạng đấu thầu theo đúng thời gian quy định nên tất cả các trường hợp báo cáo sau ngày **20/01/2022**

sẽ không được chấp nhận, các đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc báo cáo chậm trễ này.

Việc thực hiện báo cáo phải thực hiện bằng hai hình thức:

- Gửi văn bản báo cáo tổng hợp về **Phòng Đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư** - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: Tầng 3, số 02 Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai, điện thoại 0251 3822510).

- Gửi file word (nội dung báo cáo theo Phụ lục 1) và file excel, trong đó định dạng dấu chấm đối với phần thập phân (phần thống kê số liệu theo Phụ lục 2 từ Biểu 2.1 đến Biểu 2.6) vào địa chỉ email yendt1979@gmail.com..

*** Lưu ý:**

- Báo cáo gửi kèm chủ đầu tư, bên mời thầu thuộc các cơ quan, đơn vị có số liệu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đề nghị các cơ quan đơn vị rà soát chính xác để đảm bảo sự thống nhất giữa số liệu báo cáo về đấu thầu qua mạng của cơ quan, đơn vị với số liệu tổng hợp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Đơn vị tính cho các Biểu là **“triệu đồng”**, định dạng dấu chấm (Bảng excel), tiêu đề file bao gồm tên đơn vị gửi, số liệu văn bản. Dưới văn bản báo cáo cung cấp số điện thoại của người trực tiếp dự thảo tổng hợp nội dung báo cáo, các thông tin báo cáo phải chính xác, có tỷ lệ tương ứng (số liệu bằng nhau) giữa lĩnh vực đấu thầu - hình thức lựa chọn nhà thầu, đấu thầu qua mạng – không qua mạng trong các biểu mẫu thống kê.

- Để thuận tiện việc thống kê số liệu thống nhất của toàn tỉnh và đăng tải lên hệ thống mạng quốc gia, đề nghị các đơn vị thống kê số liệu theo đúng các biểu mẫu; không chỉnh sửa biểu mẫu, chèn thêm dòng, cột vào cáo biểu mẫu 2.1, 2.2, 2.3.

Các đơn vị nhận file mẫu báo cáo trên mục Thông báo của website của Sở Kế hoạch và Đầu tư (<http://skhdt.dongnai.gov.vn/>) hoặc nhắn tin vào địa chỉ email: yendt1979@gmail.com hoặc điện thoại 0251 3822510 - 0909 385974.

Đề nghị các đơn vị báo cáo đầy đủ nội dung theo yêu cầu và đúng thời hạn quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, TĐ, Website Sở.

D:\DATA\Yên-Năm 2021\BÁO CÁO ĐẤU THẦU 2021\SKHĐT-TĐ YCBC CÔNG TÁC ĐẤU THẦU 2021.2.doc



Võ Hoàng Phương

PHỤ LỤC 1
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU
NĂM 2021

Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2021 theo các nội dung sau:

Phần I. Tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu

I. Kết quả thực hiện

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2021:

- Tổng hợp chung kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển và dự toán mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm chung theo lĩnh vực đấu thầu; theo hình thức lựa chọn nhà thầu; theo phân loại dự án;

- Tổng hợp kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm theo lĩnh vực đấu thầu và theo hình thức lựa chọn nhà thầu.

2. Việc chỉ đạo, điều hành về công tác đấu thầu:

- Báo cáo về tình hình chỉ đạo điều hành và công tác đấu thầu trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách gồm: việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản phân cấp trong đấu thầu và đánh giá tác động của các văn bản đó đối với hoạt động đấu thầu trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách;

- Cập nhật tên và chức danh của Lãnh đạo phụ trách trực tiếp công tác đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành hoặc địa phương, doanh nghiệp theo quy định tại khoản 13 Điều 129 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

3. Công tác phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu:

Kết quả về việc phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu trong năm, trong đó nêu rõ các hình thức phổ biến, quán triệt; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến, quán triệt thực hiện pháp luật về đấu thầu, số lượng đại biểu tham gia.

4. Tình hình thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng:

Báo cáo kết quả thực hiện đấu thầu qua mạng theo các nội dung dưới đây:

a) Kết quả thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu.

b) Kết quả thực hiện việc lựa chọn nhà thầu qua mạng: Nêu rõ số lượng các gói thầu thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng, giá trị trúng thầu, lĩnh vực đấu thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, số lượng gói thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng mà nhà thầu được ưu đãi trúng thầu, số lượng kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng đã được đăng tải, số lượng gói thầu đấu thầu qua mạng bị hủy thầu và lý do hủy thầu. Xác định tỷ lệ, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đấu thầu qua mạng theo lộ trình đã quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT.

Lưu ý: Báo cáo gửi kèm chủ đầu tư, bên mời thầu thuộc các cơ quan, đơn vị có số liệu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đề nghị các cơ quan đơn vị rà soát chính xác để đảm bảo sự thống nhất giữa số liệu báo cáo về đấu thầu qua mạng của cơ quan, đơn vị với số liệu tổng hợp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu:

Báo cáo về số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra (gồm các cuộc kiểm tra chuyên sâu về đấu thầu, các cuộc thanh tra, kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu) và các vấn đề chính được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

6. Công tác đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu:

Báo cáo về đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu, bao gồm: tổng số lượng cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu, số lượng cán bộ có chứng chỉ, chứng nhận đã tham gia khóa học đấu thầu và đấu thầu qua mạng;

- Số lượng các khóa đào tạo về đấu thầu (cơ bản, nâng cao, đấu thầu qua mạng, theo chuyên đề...), số lượng học viên.

7. Giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm:

- Việc giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được, cách thức và kết quả giải quyết kiến nghị;

- Việc xử lý vi phạm trong đấu thầu: tổng số tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, số lượng quyết định xử lý vi phạm, hình thức xử lý vi phạm, công khai xử lý vi phạm.

8. Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các dự án/gói thầu:

Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các gói thầu thuộc dự án/ dự toán bao gồm: số lượng, quốc tịch nhà thầu, lĩnh vực thực hiện của nhà thầu trúng thầu (điện, giao thông, xây dựng...).

9. Tình hình triển khai Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017, Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 03/CT-TTg

ngày 24/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công tác ngăn ngừa, xử lý các hành vi tiêu cực trong đấu thầu.

Báo cáo về việc tổ chức quán triệt, biện pháp thực hiện và kết quả thực hiện nội dung các Chỉ thị, tác động của các Chỉ thị đến hoạt động đấu thầu trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách.

10. *Tình hình triển khai thực thi Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA trong công tác lựa chọn nhà thầu.*

11. *Các nội dung khác (nếu có).*

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu năm 2021

Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị năm 2021 theo từng nội dung nêu tại Mục I, bao gồm:

1. Kết quả đạt được;
2. Hạn chế, tồn tại;
3. Nguyên nhân.

III. Giải pháp và kiến nghị

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu năm 2021, các cơ quan, đơn vị đề xuất kiến nghị và giải pháp để đảm bảo triển khai tốt công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm 2021.

Phần II. Tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư có sử dụng đất và dự án đầu tư thực hiện theo hình thức xã hội hóa (lưu ý không tổng hợp lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong báo cáo này).

I. Kết quả thực hiện

1. *Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư năm 2021:*

Tổng hợp kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực, địa phương mình quản lý, bao gồm: số lượng dự án lựa chọn thực hiện theo hình thức đối tác công tư theo quy định của Chính phủ về đầu tư PPP; số lượng dự án đầu tư sử dụng đất, xã hội hóa theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 1 Nghị định số 25/2021/NĐ-CP; hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

2. *Công tác phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:*

- Kết quả việc phổ biến, quán triệt bằng văn bản.

- Số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến, quán triệt thực hiện pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án phải đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa đơn vị mình tổ chức trong năm 2021, số lượng đại biểu tham gia.

- Số lượng các khóa đào tạo về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất đơn vị mình tổ chức trong năm 2021, số lượng học viên.

- Các hình thức phổ biến, quán triệt khác.

3. Tình hình thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

Báo cáo kết quả thực hiện đăng tải thông tin trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ và Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đơn vị tổng hợp số lượng danh mục dự án, thông báo mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, thông báo mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư, hợp đồng dự án PPP đã đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong năm 2021. Nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình đăng tải.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

Báo cáo số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra (gồm các cuộc kiểm tra chuyên sâu về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, các cuộc thanh tra, kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư) và các vấn đề chính được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

5. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

Báo cáo về việc giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được, cách thức và kết quả giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu (tổng số tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, hình thức xử lý vi phạm, công khai xử lý vi phạm).

6. Thông tin về nhà đầu tư nước ngoài trúng thầu tại các dự án:

Thông tin về nhà đầu tư nước ngoài trúng thầu tại các dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm: số lượng, quốc tịch nhà đầu tư, thông tin cơ bản về dự án (địa điểm, quy mô, công suất, tổng mức đầu tư...).

7. Thông tin về các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu nhưng chọn áp dụng quy định của Luật Đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư:

Thông tin cơ bản về các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu nhưng chọn áp dụng quy định của Luật Đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư: lĩnh

vực đầu tư, quy mô, công suất, tổng mức đầu tư, địa điểm ...

8. *Cập nhật tên và chức danh của Lãnh đạo phụ trách trực tiếp công tác đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành hoặc địa phương, doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Nghị định số 25/2021/NĐ-CP.*

9. *Các nội dung khác (nếu có).*

II. Hạn chế, tồn tại, nguyên nhân

Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của hạn chế, tồn tại này trong quá trình thực hiện dự án PPP/dự án có sử dụng đất trong năm 2021 của đơn vị.

III. Giải pháp và kiến nghị

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư năm 2021, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 nêu các kiến nghị, đề xuất và kế hoạch thực hiện cho năm tiếp theo để đảm bảo hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và thực hiện hoạt động đấu thầu.

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ BÁO CÁO

STT	ĐƠN VỊ BÁO CÁO/CHỦ ĐẦU TƯ
1	Ban An toàn giao thông tỉnh Đồng Nai
2	Ban Dân tộc Đồng Nai
3	Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai
4	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Công nghệ Sinh học Đồng Nai
6	Ban Quản lý nghĩa trang tỉnh Đồng Nai
7	Ban Tôn Giáo
8	Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú
9	Bảo tàng Đồng Nai
10	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai
11	Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất, Đồng Nai
12	Bệnh viện Da liễu Đồng Nai
13	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
14	Bệnh viện Y dược cổ truyền Đồng Nai
15	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai
16	Chi cục kiểm lâm tỉnh Đồng Nai
17	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi
18	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai
19	Công an tỉnh Đồng Nai
20	Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai
21	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai
22	Đài phát thanh và Truyền hình Đồng Nai
23	Hội nông dân tỉnh Đồng Nai
24	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
25	Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai
26	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai
27	Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai
28	Nhà thiếu nhi tỉnh Đồng Nai
29	Thư Viện tỉnh Đồng Nai
30	Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện tỉnh Đồng Nai
31	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao tỉnh Đồng Nai
32	Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng tỉnh Đồng Nai
33	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai
34	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Na

STT	ĐƠN VỊ BẢO CÁO/CHỦ ĐẦU TƯ
35	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Đồng Nai
36	Trường Đại học Đồng Nai
37	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh Đồng Nai.
38	Văn phòng Tỉnh ủy
39	Văn phòng UBND tỉnh
40	Sở Công Thương Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
41	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
42	Sở Giao thông vận tải Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
43	Sở Khoa học Công nghệ Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
44	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
45	Sở Ngoại vụ Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
46	Sở Nội vụ Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
47	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
48	Sở Tài chính Đồng Nai
49	Sở Tài nguyên môi trường Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
50	Sở Thông tin Truyền Thông Đồng Nai
51	Sở Tư pháp Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
52	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
53	Sở Xây dựng Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
54	Sở Y tế Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc
55	Thanh tra tỉnh Đồng Nai
56	UBND huyện Cẩm Mỹ, Đồng Nai
57	UBND huyện Định Quán, Đồng Nai
58	UBND huyện Long Thành, Đồng Nai
59	UBND huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
60	UBND huyện Tân Phú, Đồng Nai
61	UBND huyện Thống Nhất, Đồng Nai
62	UBND huyện Trảng Bom, Đồng Nai
63	UBND huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
64	UBND huyện Xuân Lộc, Đồng Nai
65	UBND thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
66	UBND thành phố Long Khánh, Đồng Nai
67	Các đơn vị khác có liên quan

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm Văn bản số/ ngày của)

Biểu 2.1

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2021 THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1*, KHOẢN 2 VÀ KHOẢN 4 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13
(Không bao gồm gói thầu mua sắm sử dụng nguồn vốn mua sắm thường xuyên)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Dự án quan trọng quốc gia (a)				Dự án nhóm A (b)				Dự án nhóm B (c)				Dự án nhóm C (d)				Cộng (a + b + c + d)			
		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																					
1. Phí tư vấn	KQM																				
	QM																				
2. Tư vấn	KQM																				
	QM																				
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																				
	QM																				
4. Xây lắp	KQM																				
	QM																				
5. Hỗn hợp	KQM																				
	QM																				
Tổng cộng I																					
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																					
1. Rộng rãi**	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
2. Hạn chế	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
Tổng cộng II																					

Ghi chú: Số liệu mới chính xác khi Tổng cộng I (KQM) = Tổng cộng II (KQM), I (QM) = Tổng cộng II (QM).
Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả các gói thầu sử dụng vốn đối ứng trong dự án ODA.

* Riêng đối với các gói thầu sử dụng nguồn mua sắm thường xuyên quy định tại điểm d và các điểm đ, e, g khoản 1 Điều 1 Luật Đầu thầu năm 2013 thì không báo cáo tại Biểu này mà báo cáo tại Biểu 2.2.

** Mua sắm tập trung (dự án) được tổng hợp tại Biểu này đồng thời tổng hợp tại biểu 2.4.

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng); QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____
Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CÁC GÓI THẦU MUA SẮM SỬ DỤNG NGUỒN VỐN MUA SẮM THƯỜNG XUYỀN NĂM 2021 THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM D, Đ, E VÀ G KHOẢN 1 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Đơn vị: Triệu đồng			
			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
			(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU						
1. Phi tư vấn		KQM				
		QM				
2. Tư vấn		KQM				
		QM				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM				
		QM				
4. Xây lắp		KQM				
		QM				
Tổng cộng I		KQM				
		QM				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM				
Tổng cộng II		KQM				
		QM				

Ghi chú: Tổng cộng I (KQM) = Tổng cộng II (KQM), I (QM) = Tổng cộng II (QM).

Số hiệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả (1) gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án ODA đã được cân đối trong nguồn chi thường xuyên và (2) và mua sắm tập trung được tổng hợp tại biểu 2.4

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm Văn bản số/ ngày của)

Báo cáo tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của
Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (CPTPP, EVFTA, UKVFTA)	Giá gói thầu	Giá trị của tùy chọn mua thêm	Lĩnh vực lựa chọn nhà thầu (Tư vấn, phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, dịch vụ xây dựng)	Hình thức lựa chọn nhà thầu (đấu thầu rộng rãi nội khối/quốc tế, chỉ định thầu nội khối/quốc tế)	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSĐ X	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá hợp đồng	Loại hợp đồng
I. Tên cơ quan mua sắm 1											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
....											
1. Dự án, dự toán mua sắm 2											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng I											
II. Tên cơ quan mua sắm 2											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
1. Dự án, dự toán mua sắm 2											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng II											
III. Tổng cộng (I+II+...)											

Ghi chú: Các cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA, UKVFTA phải báo cáo nội dung tại Biểu này.

_____, ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm Văn bản số/ ngày của)

Biểu 2.3

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NĂM 2021 THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội chủ trương đầu tư (a)				Dự án nhóm A (b)				Dự án nhóm B (c)				Dự án nhóm C (d)				Cộng (a + b + c + d)			
			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
			(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																						
1. Phi tư vấn	KQM																					
	QM																					
2. Tư vấn	KQM																					
	QM																					
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																					
	QM																					
4. Xây lắp	KQM																					
	QM																					
5. Hỗn hợp	KQM																					
	KQM																					
Tổng cộng I		QM																				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																						
1. Rõng rãi (ICS, QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB...)	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	QM																				
2. Hạn chế (LIB...)	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	QM																				
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting...)	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	QM																				
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	QM																				
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	QM																				
6. Tự thực hiện (force account)	Trong nước	KQM																				
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																				
Tổng cộng II		KQM																				
		QM																				

Ghi chú: Số liệu mới chính xác khi Tổng cộng I = Tổng cộng II. Phần đối ứng ngân sách nhà nước của các dự án này, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.1 Nguồn vốn ODA và vay ưu đãi đã được cân đối trong chỉ thường xuyên, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2.2
KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)
QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm Văn bản số/ ngày của)

Thông tin, số liệu cụ thể về công tác lựa chọn nhà thầu theo phương thức mua sắm tập trung năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Giá gói thầu	Mặt hàng mua sắm	Số lượng mua sắm	Cách thức lựa chọn nhà thầu (Qua mạng/ không qua mạng)	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Số lượng nhà thầu mua/ nhận HSMT, HSYC	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSĐX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá ký hợp đồng	Loại Hợp đồng	Cách thức ký hợp đồng (Hợp đồng khung/hợp đồng trực tiếp)
I. Tên đơn vị mua sắm													
1. Dự toán mua sắm 1													
1.1. Tên gói thầu 1													
1.2. Tên gói thầu 2													
....													
Tổng cộng I													
II. Tên đơn vị mua sắm													
1. Dự toán mua sắm 1													
1.1. Tên gói thầu 1													
1.2. Tên gói thầu 2													
....													
Tổng cộng II													
III. Tổng cộng (I+II+...)													

Ghi chú: Mua sắm tập trung tổng hợp tại biểu này đồng thời tổng hợp tại Biểu 2.1 và 2.2

_____, ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm Văn bản số/ ngày của)

Báo cáo tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (CPTPP, EVFTA, UKVFTA)	Giá gói thầu	Giá trị của tùy chọn mua thêm	Lĩnh vực lựa chọn nhà thầu (Tư vấn, phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, dịch vụ xây dựng)	Hình thức lựa chọn nhà thầu (đấu thầu rộng rãi nội khối/quốc tế, chỉ định thầu nội khối/quốc tế)	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSĐ X	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá hợp đồng	Loại hợp đồng
I. Tên cơ quan mua sắm 1											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
....											
1. Dự án, dự toán mua sắm 2											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng I											
II. Tên cơ quan mua sắm 2											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
1. Dự án, dự toán mua sắm 2											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng II											
III. Tổng cộng (I+II+...)											

Ghi chú: Các cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA, UKVFTA phải báo cáo nội dung tại Biểu này.

_____, ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm Văn bản số/

ngày)

của

Biểu 2.6A

**BÁO CÁO TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ LỰA CHỌN ĐƯỢC NHÀ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2021
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2021/NĐ-CP**

Đơn vị: Triệu đồng

PHÂN LOẠI HÌNH THỨC ĐẦU THẦU		<i>Tổng số dự án</i>	<i>Tổng đề xuất nộp ngân nhà nước yêu cầu trong HSMT, HSYC</i>	<i>Tổng đề xuất nộp ngân sách nhà nước được đề nghị trúng thầu</i>	<i>Chênh lệch</i>	<i>Dự kiến tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp trong HSMT/HSYC</i>	<i>Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp sau khi được giao đất, cho thuê đất</i>
1. Rộng rãi	Trong nước						
	Quốc tế						
2. Chỉ định thầu	Trong nước						
	Quốc tế						
3. Đặc biệt	Trong nước						
	Quốc tế						
Tổng cộng							

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo

(Tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm Văn bản số/ ngày của)

Biểu 2.6B

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 THEO LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2021/NĐ-CP

Tên dự án	Thông tin dự án ⁽¹⁾	Trạng thái dự án ⁽²⁾	Loại dự án ⁽³⁾	Công bố danh mục dự án ⁽⁴⁾	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDK thực hiện dự án	Số lượng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm	Quyết định chấp thuận nhà đầu tư ⁽⁵⁾	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁶⁾	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT/HSYC	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT/HSDX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁷⁾	Thời gian lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁸⁾	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án
Dự án do Nhà nước có thẩm quyền lập													
Dự án 1													
Dự án 2													
...													
Dự án do Nhà đầu tư đề xuất													
Dự án 1													
Dự án 2													
...													

(1):: Ghi các thông tin sau của dự án theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư) hoặc Danh mục dự án được phê duyệt (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định): Tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất), diện tích đất để thực hiện dự án.

(2): Ghi trạng thái của dự án: Đã công bố danh mục dự án, đã phê duyệt kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, đã/đang thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đã lựa chọn được nhà đầu tư, đã ký kết hợp đồng;

(3): Ghi loại công trình dự án theo tiêu chí phân loại sau: Khu đô thị, công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng gồm: nhà ở thương mại, trụ sở, văn phòng làm việc;

(4): Ghi công bố danh mục dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc danh mục dự án được phê duyệt (đã công bố DMDA/chưa công bố DMDA);

(5): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn theo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư;

(6): Ghi hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;

(7): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn;

(8): Ghi thời gian lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành HSMT/HSYC đến khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo

(Tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm Văn bản số/

ngày

của

)

Biểu 2.6C**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 THEO LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 30/2015/NĐ-CP**

Tên dự án	Thông tin dự án ⁽¹⁾	Trạng thái dự án ⁽²⁾	Loại dự án ⁽³⁾	Công bố danh mục dự án ⁽⁴⁾	Số lượng NĐT đáp ứng HSMST (5)	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁶⁾	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT/ HSYC	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT/ HSDX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁷⁾	Thời gian lựa chọn nhà đầu tư ⁽⁸⁾	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án
1. Dự án do Nhà nước có thẩm quyền lập											
Dự án 1											
Dự án 2											
...											
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất											
Dự án 1											
Dự án 2											
...											

(1): Ghi các thông tin sau của dự án theo Danh mục dự án được phê duyệt: tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất), diện tích đất để thực hiện dự án;

(2): Ghi trạng thái của dự án: Đã phát hành HSMST, đã/đang phát hành HSMT/HSYC; đã/đang thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đã lựa chọn được nhà đầu tư, đã ký kết hợp đồng;

(3): Ghi loại công trình dự án theo tiêu chí phân loại sau: khu đô thị, nhà ở thương mại; trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ;

(4): Ghi công bố danh mục dự án theo quyết định phê duyệt công bố danh mục dự án (Đã công bố DMDA/Chưa công bố DMDA);

(5): Ghi số lượng NĐT đáp ứng yêu cầu HSMST;

(6): Ghi hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt;

(7): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn;

(8): Ghi thời gian lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành hồ sơ mời sơ tuyển hoặc HSMT (nếu không áp dụng sơ tuyển) đến khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo

(Tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm Văn bản số/

ngày

của

)

Biểu 2.6D

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN PHẢI TỔ CHỨC ĐẦU THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH, PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA NĂM 2021 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2021/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP

Tên dự án	Thông tin dự án ⁽¹⁾	Lĩnh vực ⁽²⁾	Công bố danh mục dự án ⁽³⁾	Số lượng nhà đầu tư quan tâm	Trạng thái dự án ⁽⁴⁾
1. Dự án do Nhà nước có thẩm quyền lập					
Dự án 1					
Dự án 2					
...					
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất					
Dự án 1					
Dự án 2					
...					

(1): Ghi các thông tin của dự án;

(2): Ghi lĩnh vực: Y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường...

(3): Ghi công bố danh mục dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư) hoặc danh mục dự án được phê duyệt (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư): đã công bố DMDA/chưa công bố DMDA.

phê duyệt công bố danh mục dự án (Đã công bố DMDA/Chưa công bố DMDA);

(4): Ghi trạng thái của dự án: Đã công bố danh mục dự án, đang đấu thầu, đã có kết quả lựa chọn nhà đầu tư, đã ký hợp đồng, đã có quyết định chủ trương đầu tư.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo

(Tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÔNG
THỰC HIỆN BÁO CÁO HOẶC THỰC HIỆN NHƯNG KHÔNG ĐẢM BẢO
VỀ THỜI HẠN VÀ NỘI DUNG THEO YÊU CẦU

(Đính kèm văn bản số / ngày / / của)

STT	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	KHÔNG BÁO CÁO	BÁO CÁO KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI HẠN VÀ NỘI DUNG THEO YÊU CẦU	
			VỀ THỜI HẠN	VỀ NỘI DUNG
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
....				

Ghi chú:

- Biểu này dành cho Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 tổng hợp danh sách các cơ quan, đơn vị do mình quản lý không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn và nội dung theo yêu cầu.

- Đánh dấu “X” và ô tương ứng. Ví dụ: Không đảm bảo thời hạn, đánh dấu “X” vào cột “về thời hạn”.

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm Văn bản số/ ngày của)

Biểu 2.1

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2021 THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1*, KHOẢN 2 VÀ KHOẢN 4 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13
 (Không bao gồm gói thầu mua sắm sử dụng nguồn vốn mua sắm thường xuyên)

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Dự án quan trọng quốc gia (a)				Dự án nhóm A (b)				Dự án nhóm B (c)				Dự án nhóm C (d)				Cộng (a + b + c + d)			
		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)
		(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																					
1. Phí tư vấn	KQM																				
	QM																				
2. Tư vấn	KQM																				
	QM																				
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																				
	QM																				
4. Xây lắp	KQM																				
	QM																				
5. Hỗn hợp	KQM																				
	QM																				
Tổng cộng I																					
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																					
1. Rộng rãi**	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
2. Hạn chế	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
Tổng cộng II																					

Ghi chú: Số liệu mới chính xác khi Tổng cộng I (KQM) = Tổng cộng II (KQM), I (QM) = Tổng cộng II (QM).

Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả các gói thầu sử dụng vốn đối ứng trong dự án ODA.

* Riêng đối với các gói thầu sử dụng nguồn mua sắm thường xuyên quy định tại điểm d và các điểm đ, e, g khoản 1 Điều 1 Luật Đầu thầu năm 2013 thì không báo cáo tại Biểu này mà báo cáo tại Biểu 2.2.

** Mua sắm tập trung (dự án) được tổng hợp tại Biểu này đồng thời tổng hợp tại biểu 2.4.

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng); QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

..... ngày tháng năm

Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)